

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC NGHỆ THUẬT - THỂ CHẤT

TH.S TRƯƠNG THỊ KHÁNH TRANG

BÀI GIẢNG
CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT VIỆT NAM
(TÀI LIỆU DÀNH CHO BẬC ĐẠI HỌC)



Đà Nẵng, 2026

BÀI 1: NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC

1.1. Những căn cứ khách quan dẫn tới sự phân chia nghệ thuật thành các loại hình

Ngay từ khi mới ra đời, mỗi tác phẩm nghệ thuật đã thuộc về một loại hình ,loại thể nào đó.Việc xuất hiện các loại hình, loại thể nghệ thuật khác nhau làm cho “Gia đình” nghệ thuật càng trở nên sinh động, phong phú,có khả năng phản ánh hiện thực một cách sâu rộng, đồng thời cũng đáp ứng được các loại thị hiếu nghệ thuật khác nhau của công chúng.Chính ngôn ngữ đặc trưng của các loại hình nghệ thuật đã mang lại cho mỗi tác phẩm một vẻ đẹp riêng,độc đáo,không lặp lại yếu tố nào.

Sở dĩ có hiện tượng trên là vì không phải vì bất kì tác phẩm nghệ thuật nào cũng được xây dựng trên cơ sở một hệ thống phương tiện vật chất-kỹ thuật(phương tiện tạo hình-biểu hiện) chung mà bằng phương tiện riêng của mỗi loại hình, loại thể nhất định.

Sự phát triển của các loại hình nghệ thuật là không đều và không giống nhau, vì quá trình vận động của mỗi loại hình luôn luôn tùy thuộc vào điều kiện xã hội – lịch sử và nhu cầu thẩm mỹ khác nhau của từng thời đại.

Không phải ngẫu nhiên mà nghệ thuật được phân chia thành các loại hình,loại thể.Có ba căn cứ khách quan dẫn tới sự phân chia đó.

Một là ,sự đa dạng, phong phú của đời sống hiện thực đòi hỏi nghệ thuật cũng phải đa dạng, phong phú mới có khả năng phản ánh nổi,phản ánh hết những khía cạnh phức tạp của cuộc đời.Trong quá trình phản ánh hiện thực, mỗi loại hình nghệ thuật bộc lộ những mặt yếu, những hạn chế của nó so với các loại hình nghệ thuật độc tôn,duy nhất, như hội họa chẳng hạn, thì làm sao có thể phản ánh được cái hay,cái đẹp của thế giới âm thanh,thế giới tâm hồn sâu thẳm nơi con người ?Trong khi đó loại hình âm nhạc , loại hình văn chương lại làm được và rất tốt điều.

Hai là, do sự phát phong phú của các giác quan thẩm mỹ.Con người dùng các

giác quan thẩm mỹ của mình(đặc biệt là tai và mắt) đòi hỏi xuất hiện những loại hình nghệ thuật mang tính thị giác như kiến trúc,điều khắc, hội họa thì lại giúp họ có khả năng cảm nhận những tín hiệu thông tin thính giác(âm thanh và sự vận động của âm thanh) đòi hỏi phải xuất hiện những loại hình nghệ thuật mang tính thính giác như âm nhạc.Trên thực tế , khi thụ cảm nghệ thuật , con người thường sử dụng cả tai lẫn mắt,điều này dẫn tới việc xuất hiện những loại hình nghệ thuật mang tính thị giác vừa mang tính thính giác như múa,sân khấu, điện ảnh...

Ba là, sự phong phú của các phương tiện vật chất – kỹ thuật mà nghệ sĩ sử dụng khi xây dựng tác phẩm nghệ thuật, dẫn tới việc hình thành ngôn ngữ đặc trưng cho mỗi loại hình nghệ thuật.Sự thể hiện quan hệ thẩm mỹ của con người tương ứng , thích hợp là cơ sở của sự hình thành các loại hình nghệ thuật khác nhau.

1.2. Nguyên tắc phân nhóm các loại hình nghệ thuật

Cách phân chia mang tính truyền thống là dựa trên sự khác biệt trong ngôn ngữ đặc trưng của các loại hình nghệ thuật.Từ đó,người ta chia nghệ thuật thành những loại hình cơ bản : trang trí – thực dụng ,kiến trúc, điều khắc,hội họa,âm nhạc,múa,văn chương,sân khấu,điện ảnh...

Ngoài ra ,người ta còn căn cứ vào những đặc điểm giống nhau và khác nhau giữa các loại hình nghệ thuật để phân nhóm các loại hình : nhóm thời gian - không gian, nhóm tạo hình - biểu tượng, nhóm mang tính thực dụng hay không thực dụng,nhóm yêu cầu biểu diễn hay hay không có yêu cầu biểu diễn.

Cách phân nhóm trên đây đã dựa trên những đặc điểm chung nào đó giữa các loại hình, nhưng vì chỉ chú trọng tới một mặt nhất định mà bỏ qua hoặc xem nhẹ những mặt khác nên không thể tránh khỏi sự máy móc hay khiếm cường.

1.3. Sự tác động qua lại các loại hình nghệ thuật

Trong sự tồn tại và phát triển của mình, các loại hình nghệ thuật không chỉ chịu sự tác động của hoàn cảnh xã hội – lịch sử mà giữa chúng có sự tác động lẫn nhau. Sự tác động đó có ảnh tích cực tới việc hoàn thiện của từng loại hình,tới việc nảy

sinh những loại hình mới. Mặc dù mỗi loại hình có ngôn ngữ khác đặc trưng của nó, nhưng, suy tới cùng, vẫn nằm trong hệ thống tạo hình – biểu hiện chung, nên hai mặt này luôn nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau. Hơn nữa, toàn bộ nghệ thuật với tất cả thấy các loại hình gộp lại, mới có khả năng phản ánh đầy đủ và sâu sắc hiện thực cuộc sống. Một loại hình nào đó, dù là tổng hợp hay chủ đạo, vẫn không có khả năng gánh vác nhiệm vụ nặng nề trên.

Sự ảnh hưởng và tác động lẫn nhau giữa các loại hình nghệ thuật là lẽ đương nhiên, là hiện tượng phổ biến, nhất là đối với những loại hình nghệ thuật được xếp vào nhóm. Dẫu sao, điều đó không làm mất đi dấu hiệu riêng biệt, độc đáo của từng loại hình độc lập.

1.4. Khái niệm nghệ thuật Kiến trúc

Kiến trúc xuất hiện từ khi con người còn là một động vật. Loài chim có tổ, loài thú có hang. Và loài người cũng đã có những phát kiến thông minh cho ngôi nhà của mình trước khi là vượn người.

Kiến trúc xuất phát từ nhu cầu cụ thể của con người. Đó là ngôi nhà phục vụ cho mục đích cư trú, bảo vệ con người trước sự khắc nghiệt của tự nhiên, trong đó bao gồm những không gian chứa đựng những thông tin về các hoạt động cụ thể của con người. Có thể đó là ăn - uống - sinh hoạt, có thể đó là tránh thú dữ - thiên tai, có thể đó là thờ cúng thần linh - tổ tiên, ... Khi xã hội xuất hiện, cũng là lúc con người hoạt động có tổ chức, có sự kế thừa và phát triển tri thức, có nhu cầu cao hơn về các hoạt động gọi là nghệ thuật. Từ đó, kiến trúc phát triển hơn, bao hàm nhiều lĩnh vực nghệ thuật khác xoay quanh nó như hội họa, điêu khắc, và liên đới cả những lĩnh vực xa hơn như môi trường sống, sinh hoạt, làm việc, vui chơi, giải trí, tôn giáo - tín ngưỡng phục vụ cho nhu cầu của giai cấp thống trị cũng như bị trị. Structure: nghĩa là kết cấu, cấu trúc. Có thể viết tắt của continue(liên tục), hay connect(kết nối).

Con người với hệ thống ngôn ngữ của mình bắt đầu đặt tên cho các sự vật hiện tượng xung quanh cũng như hệ thống lại các lý thuyết, kinh nghiệm nhằm truyền đạt

chúng lại cho thế hệ tương lai. Về lĩnh vực này, có lẽ xin nhường lời giải thích lại cho các nhà ngôn ngữ học. Theo hiểu biết có hạn của mình, từ "build" có lẽ xuất hiện đầu tiên, dùng để chỉ bao gồm cả kiểu kiến trúc và sự xây dựng. Sau đó, lần lượt ra đời các khái niệm.

Mặc dù không biết từ nào xuất hiện trước, từ nào xuất hiện sau, nhưng khi ngôn ngữ và chữ viết ra đời thì kiến trúc và hoạt động xây dựng đã có trước đó rất lâu. Ngày nay, chúng ta biết đó là hai mặt của một vấn đề. Để có một công trình kiến trúc, không thể thiếu những người thiết kế và đội ngũ xây dựng. Tuy nhiên trước đây, công việc thiết kế được xem trọng hơn rất nhiều. Người thiết kế đa phần thuộc tầng lớp thống trị, thượng lưu và quý tộc, còn những người xây dựng bao gồm tầng lớp bị trị, dân nghèo và nô lệ. Công trình kiến trúc lại đa phần phục vụ cho những người "có tiền và quyền lực". Ở đây, mình không đề cập đến vấn đề cao quý hay thấp hèn mà chỉ là nhắc lại lịch sử. Như vậy, theo quan niệm cổ điển, lĩnh vực kiến trúc bao gồm cả xây dựng. Xây dựng phải phục vụ cho kiến trúc, tuân theo sự chỉ định của kiến trúc và phục vụ tuyệt đối ý đồ thiết kế. Người kiến trúc sư thời đó quản lý cả hệ thống kết cấu, quá trình thi công, hệ thống cấp - thoát nước ... và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước công trình của mình.

Kiến trúc ngày nay được xem là một bộ môn nghệ thuật mà ngôn ngữ của nó là không gian. Phân biệt với các ngành nghệ thuật khác như: ngôn ngữ của Hội Họa là mảng màu; ngôn ngữ của Điêu Khắc là hình khối; ngôn ngữ của Âm Nhạc là âm thanh; ... Khoa học kỹ thuật liên tục phát triển. Con người ngày càng đào sâu vào các lĩnh vực chuyên môn hơn, phát triển theo hướng phân công lao động nhiều hơn. Và các ngành khoa học cũng đã tiến hành phân chia thành nhiều môn khoa học khác nhau, nhiều lĩnh vực khác nhau, nhiều chuyên ngành khác nhau. Kiến trúc cũng không thể thoát khỏi quy luật tất yếu đó.

Phân tích theo quan điểm triết học Marx, ta thấy rằng lý luận Kiến Trúc được đúc kết từ thực tiễn cuộc sống (nhu cầu con người - xã hội, điều kiện địa lý - tự

nhiên, văn hóa và yếu tố tinh thần, ...). Từ những lý thuyết được hệ thống đó, người kiến trúc sư thiết kế ra những công trình kiến trúc. Những công trình kiến trúc này, được xây dựng, trải qua quá trình tồn tại và phục vụ con người, lại tác động vào hệ thống lý thuyết, xây dựng những quan điểm mới, ... Cứ như vậy, nền kiến trúc của thế giới tiếp tục được phát triển. Và xuất phát điểm của Xây Dựng hoàn toàn là từ Kiến Trúc.

Lập dự án, thiết kế kiến trúc, kết cấu, điện, nước,... là các hoạt động thiết kế kiến trúc và xây dựng. Các hoạt động này được diễn ra dưới sự chủ trì của một kiến trúc sư. Và hơn nữa, công tác thi công ở công trường hoàn toàn phụ thuộc vào bản vẽ thiết kế. Thậm chí, khi có một yêu cầu thay đổi về kiến trúc, ngay lập tức xây dựng phải ngưng ngay, và khi nào hoàn chỉnh công việc chỉnh sửa kiến trúc thì việc xây dựng mới được tiếp tục. Nhìn xa hơn một chút, tất cả những công trình kiến trúc được xây dựng là với mục đích tạo mỹ quan cho đô thị, tạo ra bộ mặt kiến trúc cho đất nước, cho dân tộc, tiêu biểu cho nền kiến trúc thời đại.

1.5. Lịch sử hình thành và phát triển

Nghệ thuật kiến trúc ra đời từ rất sớm. Ngay từ thời cổ đại nghệ thuật kiến trúc đã phục vụ cho tôn giáo và đời sống con người, đáp ứng cả nhu cầu vật chất và tinh thần, Sang thời Trung cổ chủ yếu là kiến trúc Nhà thờ, đó chính là ngôi nhà của Chúa. Thời Phục Hưng kiến trúc phục hồi nhiều thể loại trên tinh thần cổ đại

Thời kỳ khai sáng nghệ thuật kiến trúc mở rộng thêm nhiều thể loại mới và đặc biệt sang thế kỷ XIX, XX những công trình kiến trúc công cộng góp phần lớn ào đời sống, kinh tế, chính trị. Ở phương Đông kiến trúc cũng xuất hiện chủ yếu phục vụ tôn giáo và tín ngưỡng. Sau đó, đời sống phát triển và kiến trúc cũng phát triển theo nhằm đáp ứng mọi nhu cầu sinh hoạt của con người.

1.6. Đặc trưng ngôn ngữ và các thể loại Kiến trúc

Một công trình kiến trúc được ra đời, trước hết nhằm thỏa mãn nhu cầu tạo dựng nơi ăn, chốn ở, điều kiện sinh hoạt cá nhân, gia đình hay cộng đồng xã hội. Như vậy,

kiến trúc luôn luôn gắn với công việc sản xuất vật chất.

Nhưng những công trình kiến trúc một khi vừa mang tính hoàn thiện, vừa mang tính thẩm mỹ nó lại được thừa nhận như một tác phẩm nghệ thuật và trở thành nghệ thuật khiên. Cũng như trang trí – thực dụng, nghệ thuật kiến trúc vừa có chức năng thực dụng vừa có chức năng thẩm mỹ.

Sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc nói chung và phong cách kiến trúc nói riêng, một mặt phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và đặc điểm tâm lý dân tộc, thời đại.

Kiến trúc là loại hình nghệ thuật mang tính biểu hiện. Bởi lẽ, nó không phản ánh một cái gì sẵn có trong hiện thực mà nói với chúng ta rất nhiều điều về con người và thời đại, nó được ghi nhận như một nhân chứng lịch sử. Các công trình kiến trúc lớn thường là những “bức thông điệp” để lại cho đời sau, mà từ đó toát lên ý nghĩa chung về toàn bộ thời đại, biểu hiện tập trung và khái quát hàng loạt đặc điểm lịch sử - xã hội của mỗi dân tộc.

Ở những công trình kiến trúc lớn thường chứa đựng nhiều tác phẩm nghệ thuật thuộc các loại hình nghệ thuật khác (điều khắc, hội họa, trang trí – thực dụng). Sự có mặt của các loại hình nghệ thuật đó vừa có ý nghĩa như một bộ phận hợp thành vừa góp phần điểm xuyết, làm tăng thêm vẻ đẹp của công trình kiến trúc.

Khi thiết kế và xây dựng một công trình kiến trúc, đặc biệt lưu ý ba yêu cầu cơ bản sau đây: một là, tính cộng dụng của công trình kiến trúc. Phải xuất phát từ mục đích sử dụng để tìm một quy mô và phong cách kiến trúc, kiến trúc thích hợp; hai là phải xuất phát từ điều kiện tự nhiên (như vị trí địa lý, điều kiện khí hậu thời tiết...) và khả năng cung cấp vật liệu, trình độ khoa học kỹ thuật cho phép. Ba là, mối tương quan giữa công trình kiến trúc và môi trường xung quanh.

Nghệ thuật kiến trúc: Kiến trúc là loại hình nghệ thuật mang tính biểu hiện. Bởi lẽ, nó không phản ánh một cái gì sẵn có trong hiện thực mà nói với chúng ta rất nhiều điều về con người và thời đại, nó được ghi nhận như một nhân chứng lịch sử.

Kiến trúc được chia thành năm thể loại: Kiến trúc cung đình, kiến trúc tôn giáo, kiến trúc quân sự, kiến trúc dân dụng kiến trúc công cộng.



Kiến trúc AngCoVat



Kuula lumpua



Kiến trúc nhà Mila

BÀI 2: NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC

2.1. Khái niệm

Điêu khắc được gọi là nghệ thuật tạo hình vì loại hình nghệ thuật này chủ yếu sử dụng các phương tiện tạo hình để tái tạo con người và cảnh vật mà chúng ta có thể nhìn thấy được. Là nghệ thuật mang tính không gian, điêu khắc không phản ánh quá trình vận động, biến đổi của đối tượng miêu tả mà chỉ giữ lại những khoảng khắc điển hình, tiêu biểu nhất, có khả năng gây ấn tượng mạnh mẽ và sâu lắng nhất.

2.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Nghệ thuật điêu khắc ra đời từ rất sớm, ngay từ khi xuất hiện loài người đã xuất hiện những hình khắc vạch, đục chạm trên xương sừng và vách hang động. Ở phương tây: từ thời nguyên thủy điêu khắc đã phát triển, đến thời cổ đại đặc biệt là Hy Lạp cổ đại điêu khắc trở thành một loại hình nghệ thuật độc lập và sang thế kỷ XVI- XX nghệ thuật điêu khắc có nhiều thể loại độc đáo: điêu khắc tượng tròn, chạm khắc, tượng đài phát triển mạnh ở thế kỷ XX. ở Việt Nam, nghệ thuật Điêu khắc ra đời từ thời Nguyên thủy

Đến thời đại đồ Đồng đã phát triển với kỹ thuật chạm khắc, đúc nổi trên những

chế tác bằng đồng.

Sang thời kỳ phong kiến, nó trở thành loại hình nghệ thuật mang màu sắc tôn giáo và độc đáo.

Thời kỳ pháp thuộc ít phát triển nhưng sau năm 1945, phát triển các thể loại. Đặc biệt từ 1975, thể loại tượng đài phát triển mạnh. Cho đến nay, điêu khắc đã tiến xa về kỹ thuật, đa dạng về chất liệu và trở thành một trong những loại hình nghệ thuật phát triển của nền mỹ thuật Việt Nam.

2.3. Đặc trưng ngôn ngữ điêu khắc

Điêu khắc và hội họa được gọi là nghệ thuật tạo hình vì những loại hình nghệ thuật này chủ yếu sử dụng các phương tiện tạo hình để tái tạo con người và cảnh vật mà chúng ta có thể nhìn thấy được. Là nghệ thuật mang tính không gian, điêu khắc hội họa không phản ánh quá trình vận động, biến đổi của đối tượng miêu tả mà chỉ giữ lại những khoảng khắc điển hình, tiêu biểu nhất, có khả năng gây ấn tượng mạnh mẽ và sâu lắng nhất. Tuy nhiên, cảm giác về sự vận động vẫn có thể được thông qua trí tưởng tượng của người xem.

Với điêu khắc và hội họa, tính thực dụng dường như bị đẩy lùi nhường bước cho chức năng thẩm mỹ.

Nhà điêu khắc sử dụng các vật liệu tự nhiên (như gỗ, đá, đất sét...) hoặc nhân tạo (như thạch cao, đồng, hợp kim...) để miêu tả con người và cảnh vật trong không gian ba chiều. Cũng như nghệ thuật trang trí – thực dụng, nghệ thuật điêu khắc vừa nói lên óc thẩm mỹ tinh tế, vừa kết tụ nét tài hoa của bàn tay sang tạo của con người nghệ sĩ. Ai đó có nhận xét rất đúng rằng: “Bàn tay khéo léo của nhà điêu khắc buộc gỗ, đá phải từ bỏ số phận hẩm hiu của nó để bước vào sống làm người”!

Thưởng thức một tác phẩm điêu khắc, chúng ta có cảm giác đang đối diện với cảnh vật và con người “thật” qua khả năng phát hiện ra tính cách và nét mặt của một pho tượng chẳng hạn, ta có thể thấy được cả sức mạnh vật chất hay năng lực tinh thần của nhân vật. Bài thơ “Các vị la hán chùa Tây Phương” của Huy Cận là một

minh chứng sống động cho vấn đề này .

Tượng là “sản phẩm” cơ bản của điêu khắc. Tượng gồm hai loại : tượng tròn và tượng trạm nổi (còn gọi là phù điêu). Có ba loại tượng chính : tượng đài , tượng chân dung và tượng trang trí.

Đối tượng miêu tả của tượng đài thường là các bậc vĩ nhân , các anh hùng dân tộc hoặc các danh nhân văn hóa mà tên tuổi và chiến tích của họ đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của dân tộc hay thời đại. Tượng đài thường to hơn nguyên mẫu, thường được đặt ở những vị trí trang trọng như quảng trường, công viên văn hóa... Tượng đài có ý nghĩa giáo dục rất cao, là niềm tự hào cho nhiều thế hệ.

Tượng chân dung cũng có đối tượng miêu tả là những nhân vật lịch sử. Tượng chân dung được dùng cho thờ phụng, cho sinh hoạt có tính chất lễ nghi khánh tiết. Tượng chân dung cần giống với nguyên mẫu, xét cả trên phương diện ngoại hình cũng như bản chất tính cách.

Tượng trang trí cần đẹp và đối tượng miêu tả chủ yếu của nó cũng dành cho “phái đẹp”. Đứng trên giác độ cao nào đó mà xét, trong trường hợp, tượng trang trí cũng được coi như là một hiện vật của nghệ thuật trang trí - thực dụng.

2.4. Các thể loại điêu khắc

Thể loại tượng tròn: mang tính trang trí, kỷ niệm, chất liệu đa dạng

Thể loại phù điêu, chạm khắc: mang tính trang trí, thường gắn với kiến trúc hoặc một bề mặt không gian với chất liệu cụ thể, chất liệu đa dạng.

Thể loại tượng đài: mang tính tưởng niệm, chất liệu bền chắc, sang trọng



Nữ thần chiến thắng- Hy Lạp cổ đại

BÀI 3: NGHỆ THUẬT HỘI HỌA

3.1. Khái niệm

Hội họa là loại hình nghệ thuật thị giác mang tính tạo hình trực tiếp thông qua các phương tiện biểu đạt: đường nét, màu sắc, hình khối, không gian.. Không gian trong hội họa là không gian ảo hay còn gọi là không gian tạo hình (phối cảnh).

3.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Hội họa ra đời từ rất sớm, trước chữ viết nhưng hội họa giá vẽ ra đời từ thế kỷ XIV ở phương tây, trước đó chủ yếu là bích họa và những hình vẽ trang trí phục vụ kiến trúc. Từ sau thế kỷ XIV (thời phục hưng) hội họa phát triển và trở thành loại hình nghệ thuật độc lập không phụ thuộc kiến trúc.

Thời kỳ Khai sáng (thế kỷ XVII, XVIII) nghệ thuật hội họa xuất hiện nhiều thể loại và hình thành nhiều xu hướng mới. Sang thế kỷ XIX, trường phái ấn tượng đã gây tiếng vang lớn, hậu ấn tượng không chỉ làm cho ấn tượng vững vàng thêm mà hơn nữa còn là cầu nối chuyển tiếp phong cách nghệ thuật phương tây thế kỷ XX. Nhiều khuynh hướng nghệ thuật thế kỷ XX được hình thành mang cái tôi sáng tạo mạnh mẽ...

Ở Việt Nam: hội họa phát triển thực sự từ sau khi trường CĐMT Đông Dương được thành lập. thời kỳ kháng chiến hội họa góp phần to lớn và công cuộc chiến tranh cách mạng của dân tộc. Từ sau năm 1975 hội họa có nhiều đổi mới: đổi mới về kỹ thuật, chất liệu, nội dung, đề tài và đội ngũ sáng tác làm nên diện mạo mới của mỹ thuật Việt Nam

3.3. Đặc trưng ngôn ngữ, các thể loại hội họa

Nhờ đường nét ,màu sắc và vận dụng luật xa – gần (tức là cách xử lý ánh sáng hay bóng tối) họa sĩ có thể miêu tả hầu như bất kỳ một sự vật, hiện tượng nào trong thế giới khách quan mà chúng ta có thể nhìn thấy được. Cũng là nghệ thuật tạo hình,nhưng nếu điêu khắc phản ánh hiện thực mang theo không gian ba chiều thì hội họa lại phản ánh hiện thực trên mặt phẳng.Tuy nhiên, do biết phối hợp khéo léo độ đậm nhạt của màu sắc với các đường nét hình học, họa sỹ vẫn đem lại cho ta cảm giác về chiều sâu của đối tượng cũng như tầm vóc, kích cỡ của nó dưới hình thức “đồng dạng phối cảnh”.

Hội họa có khả năng tạo hình rất lớn.Song tính tạo hình ở đây không vì mục đích tự thân mà là nhằm biểu đạt tư tưởng,tình cảm của con người trong cuộc sống. Một đường nét, màu sắc “thực”, vừa là phương tiện thể hiện mối quan hệ thẩm mỹ của con người đối với hiện thực. Vì vậy, có những đường nét, màu sắc của sự vật, hiện tượng ngoài trời, nhưng vẫn gợi lên trong ta ấn tượng đúng đắn về bản chất của đối tượng mà nghệ thuật miêu tả, phản ánh.

Là loại hình nghệ thuật thuộc nhóm không gian , song hội họa vẫn có khả năng man tính thời gian ; bởi lẽ “thời gian” trong hội họa dường như được dồn nén tới mức đậm đặc ở khoảnh khắc tiêu biểu nhất. Mạch thời gian trong tranh được chúng ta cảm nhận như xu hướng phát triển tất yếu của đối tượng phản ánh đã, đang và sẽ diễn ra trong cuộc sống hiện thực.

Do sự khác biệt về đề tài phản ánh, hội họa được chia thành những loại thể lớn: tranh lịch sử, tranh chân dung, tranh phong cảnh và tranh tĩnh vật, sinh hoạt.

Tranh lịch sử mô tả những sự kiện lịch sử. Tính điển hình, khái quát và ý nghĩa chân thực là những đòi hỏi bắt buộc của loại tranh này. Tranh chân dung đòi hỏi phải mô tả chính xác cả ngoại hình lẫn thần thái của nhân vật. Tranh phong cảnh (bao gồm cả cảnh vật tự nhiên hoặc cảnh sinh hoạt) đòi hỏi phải đẹp, phải mang tính thẩm mỹ cao, vì loại tranh này chủ yếu dùng cho trang trí. Đề tài của tranh tĩnh vật thường là các loại trái cây, các vật dụng gần gũi, thân thương với con người trong cuộc sống thường nhật

Tranh tĩnh vật thể hiện khát vọng của con người về cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Hội họa được gọi là nghệ thuật tạo hình vì loại hình nghệ thuật này chủ yếu sử dụng các phương tiện tạo hình để tái tạo con người và cảnh vật mà chúng ta có thể nhìn thấy được. Là nghệ thuật mang tính không gian, hội họa không phản ánh quá trình vận động, biến đổi của đối tượng miêu tả mà chỉ giữ lại những khoảnh khắc điển hình, tiêu biểu nhất, có khả năng gây ấn tượng mạnh mẽ và sâu lắng nhất.

Hội họa: Nhờ đường nét, màu sắc và vận dụng luật xa - gần (tức là cách xử lý ánh sáng hay bóng tối) họa sĩ có thể miêu tả hầu như bất kỳ một sự vật, hiện tượng nào trong thế giới khách quan và chúng ta có thể nhìn thấy được. Hội họa có khả năng tạo hình rất lớn.

Loại hình thuộc nhóm không gian, song hội họa vẫn có khả năng mang tính thời gian. Các thể loại hội họa phương Tây: Tranh Chân dung, tranh Phong cảnh, tranh Sinh hoạt, tranh Tĩnh vật, tranh Lịch sử. Thể loại phương Đông: Tranh Sơn thủy, tranh Thảo trùng- Hoa điều, tranh Nhân vật, tranh Tiểu tượng, tranh Yên mã, tranh Đạo thích, tranh Tạp loại...



Tranh sơn thủy - Trung Quốc

BÀI 4: NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

4.1. Khái niệm

Trang trí là loại hình nghệ thuật làm đẹp bề mặt và đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ thị giác của con người, nghệ thuật trang trí có khả năng đem lại ấn tượng mới về thị giác gợi liên giác quan mạnh mẽ, trang trí giúp cho sự vật, đồ vật trở nên đẹp hơn, giá trị hơn bởi bàn tay sáng tạo của người nghệ sĩ.

4.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Nghệ thuật trang trí xuất hiện từ rất sớm, từ khi con người biết tạo hình trên gốm, những hoa văn tay và nét vạch vẽ trên gốm chính là sự sáng tạo sơ khai của con người đối với hình thức trang trí. Xã hội càng hiện đại, văn minh nghệ thuật trang trí càng phát triển và có thể đứng vững vàng, liên kết chặt chẽ với nhiều loại hình nghệ thuật khác làm thi vị thêm cuộc sống.

4.3. Đặc trưng nghệ thuật trang trí

Nghệ thuật trang trí thực dụng góp phần quan trọng vào việc làm, việc làm đẹp cho con người và môi trường của con người. Nó bao gồm rất nhiều thể loại và kiểu loại: từ những đồ trang sức tinh vi khéo léo đến những hoa văn được thêu, dệt hay

trạm khắc hết sức kỳ công trên các vật dụng sinh hoạt thôn thường, từ chỗ chỉ đơn thuần mang tính thực dụng đã mang cả tính thẩm mỹ. Sự hòa quyện của tính tiện dụng và nghệ thuật đã nói nên bản chất của nghệ thuật trang trí – thực dụng, một loại hình nghệ thuật nảy sinh nhằm hướng con người vươn tới tính hoàn thiện, hoàn mỹ.

Nghệ thuật trang trí thực dụng vừa nói lên óc thẩm mỹ tinh tế, vừa nói lên bàn tay điêu luyện tuyệt vời của con người chế tác, vì vậy nó không chỉ đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của con người đương như còn lưu lại những dấu vết, những thời kỳ lịch sử.

Cũng cần lưu ý rằng, không nên coi tính trang trí chỉ là sự trang điểm bên ngoài như chất “phụ gia” được bổ sung vào hiện vật. Ngay cả trong trường hợp cái trang trí là cái được trang trí để tạo nên sức hấp dẫn thẩm mỹ đối tượng.

Trong loại hình nghệ thuật này, yếu tố thường gặp nhất là hình trang trí và văn hóa trang trí. Hình trang trí thường là chim muông, hoa lá gần gũi với cuộc sống con người. Chúng được lấy từ những “nguyên mẫu” trong hiện thực, nhưng nhiều khi mang ý nghĩa tượng trưng hay đã được cách điệu. Hoa văn trang trí là sự kết hợp và luân chuyển nhịp nhàng các đường nét hình học gợi cảm man tính tạo hình rõ nét.

Nghệ thuật trang trí - thực dụng luôn tham gia lặng lẽ vào cuộc sống tinh thần, tình cảm của con người, mang lại niềm vui và khoái cảm cho con người trong cuộc sống. Nó là một thành tố không thể thiếu được để con người “thẩm mỹ hóa” môi

trường sống. Ngày nay nghệ thuật trang trí – thực dụng đã đi sâu vào các lĩnh vực sản xuất hàng hóa, nhất là trong mỹ thuật công nghiệp (design).

4.4. Các thể loại nghệ thuật trang trí

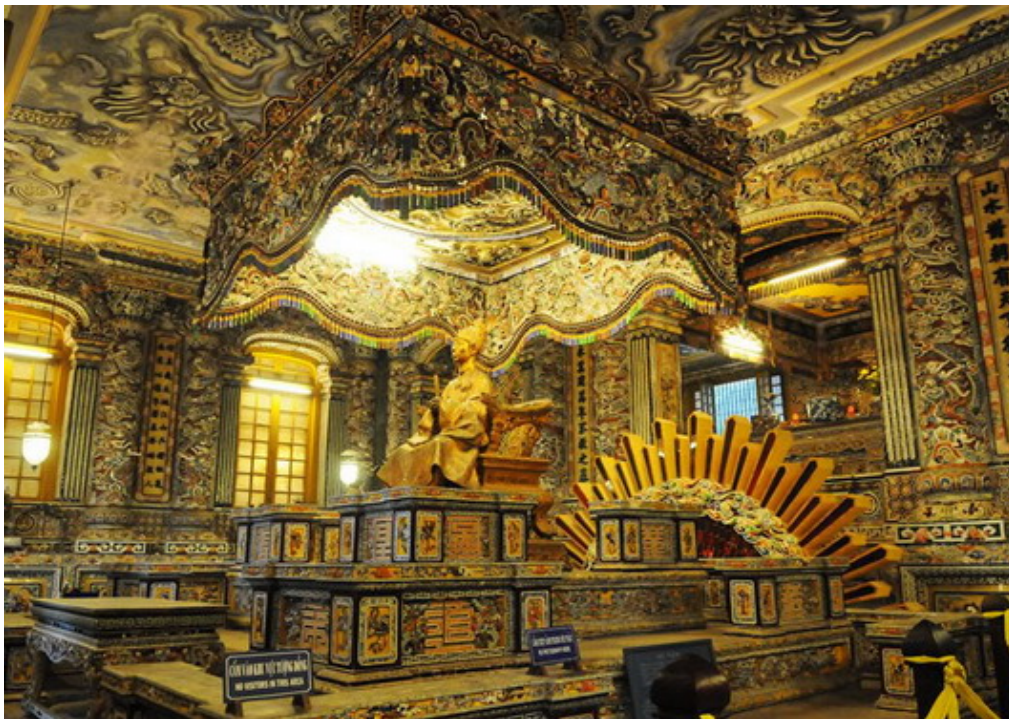
Nghệ thuật trang trí thực dụng: Nghệ thuật trang trí thực dụng góp phần quan trọng vào việc làm việc làm đẹp cho con người và môi trường con người.

Nghệ thuật trang trí thực dụng vừa nói lên óc thẩm mỹ tinh tế, vừa nói lên bàn tay điêu luyện tuyệt vời của người chế tác, vì vậy nó không chỉ đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của con người mà nó đương như còn có khả năng ghi nhận những thời kỳ lịch sử xã hội khác nhau của loài người. Trang trí thực dụng bao gồm cả những thiết

kế mẫu mã, sản phẩm phục vụ cho đời sống sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của con người.

Trang trí kiến trúc: là nghệ thuật vẽ hoặc chạm khắc làm đẹp thêm cho các công trình kiến trúc. Trang trí kiến trúc có thể được thể hiện nội hay ngoại thất (trong hay ngoài kiến trúc), nó gắn chặt chẽ với cảnh quan môi trường và thể hiện trình độ thẩm mỹ cao của cả người sáng tạo và người sử dụng công trình kiến trúc.

Trang trí kiến trúc có khả năng đánh dấu mốc lịch sử hay còn gọi là thể hiện nhu cầu của con người ở những vùng miền khác nhau, quốc gia khác nhau, các giai đoạn và trình độ nhận thức thẩm mỹ của con người.



Trang trí kiến trúc lăng Khải Định - Huế - Việt Nam

BÀI 5: NGHỆ THUẬT MÚA

5.1. Khái niệm

Múa là loại hình nghệ thuật mang tính biểu hiện, nghệ thuật múa tổng hợp nhiều yếu tố vừa mang tính tạo hình vừa mang tính biểu diễn cao, nó tập hợp đầy đủ các

yếu tố nghệ thuật là sự kết hợp tinh khéo giữa nghệ thuật không gian và nghệ thuật thời gian

5.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Múa ra đời từ rất sớm trong lịch sử loài người, bắt nguồn từ những điệu nhảy quanh đống lửa của các tộc người, những điệu nhảy được mùa theo tín ngưỡng saman. Dần dà những điệu nhảy của các tộc người mang nhiều màu sắc khác nhau, gắn chặt chẽ với tín ngưỡng, tôn giáo và từ thời kỳ phong kiến (cả phương Đông và phương Tây) Múa đã trở thành một loại hình nghệ thuật được ưa chuộng, nó không chỉ mua vui cho giai tầng quý tộc mà trở thành nghệ thuật mang giá trị thẩm mỹ cao mà người dân cả nông thôn và thành thị đều yêu thích. Nghệ thuật Múa không lờn nhưng chính cơ thể của người múa tạo nên thứ ngôn ngữ sống động.

Cho đến nay, nghệ thuật Múa phát triển mạnh và là loại hình nghệ thuật quan trọng trong nền văn hóa nghệ thuật của nhiều quốc gia trên thế giới

5.3. Đặc trưng nghệ thuật múa

Múa là loại hình nghệ thuật lấy hình thể con người và động tác của con người làm phương tiện biểu hiện. Nói như vậy không phải là mọi cử động, mọi động tác hàng ngày của con người trong cuộc sống thường nhật đều là múa. Trong múa, động tác và cử động của con người, của diễn viên mang tính tượng trưng, ước lệ và cách điệu rất cao. Ngôn ngữ múa là một hệ thống các phương tiện đặc trưng được hình thành trên cơ sở của sự tương đồng với việc biểu hiện các trạng thái tâm hồn, tình cảm của con người thông qua sự vận động và biến đổi các dáng điệu, điệu bộ và mối tương quan giữa các bộ phận của thân hình trong các động tác có ý nghĩa biểu hiện của con người.

Múa thường gắn liền với hoạt động lao động, với sinh hoạt văn hóa cũng như các lễ hội mang tính chất tôn giáo của quần chúng. Một điều cần lưu ý giữa sinh hoạt nhảy múa của quần chúng và múa chuyên nghiệp có sự khác nhau cơ bản. Nếu cái thứ nhất thường diễn ra trong điều kiện bình thường nhằm đem lại khoái cảm cho

bản thân những người tham gia, thì cái thứ hai là hoạt động sáng tạo của các diễn viên chuyên nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ cho người thưởng thức. Đương nhiên, sự khác biệt này chỉ mang ý nghĩa tương đối vì múa quần chúng có khi vẫn mang tới trình độ nghệ thuật cao và múa chuyên nghiệp không thể gắn bó với nền tảng múa dân gian vô cùng phong phú.

Múa là loại hình nghệ thuật có sự kết giao bền chặt với âm nhạc. Nhịp điệu, tiết tấu của âm nhạc giữ vai trò “bắt nhịp” và điều tiết sự luân chuyển nhịp nhàng, chính xác cho các động tác múa. Ngoài ra, âm nhạc còn góp phần tạo nên “sinh khí” cho tác phẩm múa với những cung bậc, sắc thái tình cảm khác nhau phù hợp với nội dung tư tưởng mà tác phẩm múa cần biểu hiện.

Mặc dầu cả múa và âm nhạc đều là nghệ thuật thời gian, nghệ thuật biểu hiện song phương thức diễn tả của hai loại hình nghệ thuật này lại có sự khác nhau. Nếu âm nhạc trực tiếp thể hiện quá trình rung động của cảm xúc nội tâm nhằm tác động tới thính giác của con người thì quá trình bộc lộ cảm xúc ấy qua các động tác hình thể, cái mà chúng ta có thể cảm nhận bằng thị giác.

Múa chuyên nghiệp bao gồm múa ba - lê và múa tiết mục. Là đỉnh cao của nghệ thuật múa, múa ba - lê còn có sự kết hợp chặt chẽ với kịch và âm nhạc.

Múa: Múa là loại hình nghệ thuật lấy hình thể con người và động tác của con người làm phương tiện biểu hiện.

Múa thường gắn liền với hoạt động lao động, với sinh hoạt văn hóa cũng như các lễ hội mang tính chất tôn giáo của quần chúng.

Múa là loại hình nghệ thuật có sự kết giao bền chặt với âm nhạc

Múa trước hết biểu hiện những xúc cảm, những rung động thẩm mỹ của con người trước hiện thực trong quá trình phát triển liên tục với nhiều sắc thái và sự chuyển hóa muôn màu, muôn vẻ. Là nghệ thuật biểu hiện xúc cảm, thẩm đượm chất trữ tình.

5.4. Một số thể loại nghệ thuật múa

Đa phần các điệu múa của người Chăm đều gắn liền với lễ hội mà hệ thống lễ hội của người Chăm thì vô cùng phong phú. Mỗi điệu múa chứa đựng những nội dung khác nhau, nhưng đều phản ánh ước vọng của người Chăm trước thần linh, thân tộc, thiên nhiên và cộng đồng. Họ mong sao cho mưa thuận gió hoà, mùa màng được bội thu, cây cối tươi tốt, con cháu ấm no khoẻ mạnh, hạnh phúc, được sống yên ổn làm ăn và thờ phụng tổ tiên.

Không chỉ gắn bó với lễ hội, múa dân gian Chăm còn gắn liền với những dịp trọng đại của gia đình như cưới xin, khánh thành nhà... Điều đặc biệt là múa dân gian Chăm hầu hết là múa có đạo cụ như khăn, roi, trống, quạt... và dựa vào đạo cụ mà gọi tên cho từng điệu múa.

Trong sinh hoạt lao động thường ngày của người Chăm, đầu là phương tiện chuyển tải lâu đời rất thuận tiện. Có khi ta bắt gặp họ đội những bao lúa trên đầu từ ruộng về làng, hoặc những món đồ khá nặng. Bóng dáng các cô gái đội pụ đi lấy nước chính là những hình ảnh lao động truyền thống của đồng bào Chăm được tái tạo bằng

hình tượng nghệ thuật, đó là múa Đoa pụ. Múa khăn cũng là điệu múa dân gian lâu đời của dân tộc Chăm có mặt trong hầu khắp các sinh hoạt văn hoá. Những chiếc khăn đội đầu thường ngày của phụ nữ được đưa vào điệu múa với những biến hoá phong phú. Các nghệ sĩ thường sử dụng cổ tay để bật hai đầu khăn gây ấn tượng rộn ràng, ấn hiện.



Vũ điệu Siva

Nếu như múa Đoa pụ với tính chất dịu dàng, sâu lắng, tế nhị thì múa quạt lại rộn ràng, vui tươi, sôi động. Chiếc quạt như tiếng nói thân tình, khi vui quạt rung lên, khi buồn thì úp xuống, lúc yêu đương lại duyên dáng đẩy đưa, khi nghĩa tình quạt sóng đôi bay lượn...

Múa roi là múa của nam giới, nó biểu hiện sự khoẻ khoắn, lòng quật cường có thể chiến thắng mọi chông gai thử thách. Đôi khi đạo cụ trong múa roi được thay thế bằng cây mía nhưng nội dung ý nghĩa của điệu múa không có sự thay đổi, nó vẫn biểu hiện sự đấu tranh kiên cường, chiến thắng tà ma quỷ quái để dành lại cuộc sống thanh bình.

Ngoài múa roi, múa chèo thuyền có lẽ là điệu múa lâu đời nhất trong kho tàng nghệ thuật múa Chăm. Múa chèo thuyền là một tác phẩm phản ánh sinh hoạt lao động vùng biển của người Chăm với nội dung đầy tính nhân văn. Nó không chỉ miêu tả quá trình lao động trên biển của cư dân, mà còn đề cao đức độ con người, đồng thời khẳng định ý chí con người có thể chiến thắng mọi gian nan thử thách.

Múa dân gian Chăm dựa trên bốn động tác cơ bản như: múa Con Công, múa Con Gà Tây, múa Quí phái và múa Hoàng tử. Các nghệ nhân đã phát triển, biến hoá, kết hợp lại tạo thành những động tác múa hoàn chỉnh. Có thể xuyên suốt bài múa

chỉ có bốn động tác chính mang tính chất qui nạp, chủ đạo nhưng vẫn tạo được ấn tượng độc đáo, cuốn hút người xem vào không khí linh thiêng, sâu thẳm nhưng chứa đầy ắp

vọng. Động tác tay có bốn động tác, còn động tác chân trong múa Chăm truyền thống chỉ có một bước nhún nhưng không thể thiếu, đây là yếu tố quan trọng tạo nên sự mềm mại, uyển chuyển của các điệu múa Chăm. Động tác nhún êm dịu, bồng bềnh như những đợt sóng nhẹ trên mặt biển mênh mông. Trong động tác chân có những nét phụ tô điểm cho những nhịp chính gây cảm giác lạ thường.

Nhạc cụ chính trong múa Chăm gồm bộ ba trống baranung, kèn saranai và trống ghinăng. Âm nhạc góp phần tạo không khí vui tươi, sôi động và làm cho bước chân, điệu múa của các chàng trai, cô gái thêm thướt tha, yêu điệu. Múa bao giờ cũng dựa trên cơ sở tiết tấu của âm nhạc, múa và nhạc luôn đồng điệu với nhau giữa động tác và nhịp trống, mỗi điệu múa lại hoà quyện cùng một tiết tấu riêng, mang âm hưởng riêng. Âm nhạc cùng những điệu múa đã ăn sâu vào trong tâm hồn mỗi người dân và góp phần không nhỏ tạo nên nét đặc sắc của múa truyền thống Chăm, mang đậm phong cách văn hoá của cộng đồng người Chăm.

Dân tộc Chăm rất tự hào về nền kiến trúc, điêu khắc của mình, nó là sự thể hiện tài năng xây dựng với những kỹ thuật độc đáo, tinh tế và tính thẩm mỹ cao. Những bức phù điêu độc đáo trên các tháp cổ như tháp Hoà Lai, tháp Mỹ Sơn, tháp Mẫm... cùng những điệu múa dân gian Chăm đã tạo nguồn cảm hứng cho biết bao nghệ sĩ, từ đó, những điệu múa mang chủ đề "khát vọng", "bến nước tình yêu", "lên tháp"... của các biên đạo múa Đặng Hùng, Ngọc Canh, Dương Tấn Đức, Nguyễn Thị Hiền lần lượt được ra đời. Các tác phẩm điêu khắc đã cung cấp không ít cứ liệu dù bằng đá mà như có da, có thịt.

Bằng sự tĩnh lặng của đá mà như đang vận động, sức sống của nó không chỉ cho ta sự sao chép, sưu tầm đơn giản mà mang ý nghĩa khái quát tư tưởng, trừu tượng hoá khách quan. Đó chính là vẻ đẹp huyền diệu từ chính cái đẹp của con người, hợp

nhất giữa ước mơ và hiện thực để tiến tới một tương lai tươi sáng.

Những tác phẩm múa Chăm của các nhà biên đạo múa được xây dựng dựa trên những chuẩn mực và đặc thù riêng. Từ các đặc điểm mang tính quy tắc, từ nhiều tư thế hoàn chỉnh của các tượng múa trong kiến trúc điêu khắc Chăm, Nghệ sĩ Nhân dân Đặng Hùng đã tổng hợp lại được 8 thế tay và 4 thế chân.

Người Chăm quan niệm sống phải có âm, có dương nên kết cấu ngôn ngữ của từng động tác múa phải theo qui tắc cân đối, thượng hạ âm dương tương đồng.

Sự cân đối không chỉ nằm trong không gian mà cân đối trong từng chi tiết động tác. Nếu một bên tay thượng thì phải có một bên chân hạ, hay tư thế bên dưới gối khuynh ra thì bên trên tay cũng phải khuynh ra, tay trên ngửa thì tay dưới úp...

Giống như trong múa dân gian, âm nhạc trong múa cung đình Chăm giữ một vai trò quan trọng.

Múa cung đình được các nhạc sĩ sáng tác dựa trên những vũ điệu của các nhà biên đạo, có khi là bản nhạc trầm hùng sâu lắng, nhưng có lúc lại nhẹ nhàng thiết tha mà tác động mạnh mẽ đến tâm hồn của người nghệ sĩ.

Những điệu múa dân gian Chăm cũng như những điệu múa cung đình đã phần nào thể hiện được sự sáng tạo, tâm hồn, tình cảm của mỗi người dân trong cộng đồng người Chăm.

Nghệ thuật Múa là nghệ thuật của vũ điệu cơ thể, là loại hình nghệ thuật mang tính chất thẩm mỹ, giàu xúc cảm nghệ thuật và còn có khả năng thể hiện tín ngưỡng, bản sắc văn hóa của mỗi tộc người.

BÀI 6: NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU

6.1. Khái niệm

Sân khấu là một loại hình tổng hợp, có nhiều thành phần, nhiều mối quan hệ phức tạp.

Để hiểu về nghệ thuật sân khấu một cách tường tận, thì phải cần đến nhiều thời

gian học tập, nghiên cứu và gắn bó chặt chẽ với thực tiễn sân khấu. Những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam. Nội dung của những thành phần và những mối quan hệ trên giáo trình cũng chỉ là những gợi ý ngắn gọn cần thiết để sinh viên nhập môn và có thể từ đó nghiên cứu ngoài giáo trình theo yêu cầu thiết yếu trong công việc của mình.

6.2. Lịch sử hình thành, phát triển

Nghệ thuật sân khấu dường như được hình thành từ những trò diễn dân gian. Ở phương Tây nghệ thuật sân khấu bắt nguồn từ những điệu nhảy truyền thống, những tích trò ở vùng nông thôn, dần dà được những người dân thành thị và giới quý tộc yêu thích bởi lẽ sân khấu có khả năng đem lại những nụ cười vui gần gũi với cuộc đời thực.

Sân khấu cũng có khả năng kịch hóa, sân khấu hóa cuộc đời, bản thân người diễn là cầu nối giữa cái thực với cái hư cấu trên sân diễn.

Ở Việt Nam, sân khấu cũng ra đời từ khá sớm, nó xuất hiện gần như cùng lúc với nghệ thuật Múa, sân khấu ra đời phục vụ cho đời sống tinh thần của người Việt Nam, trải qua diễn trình hàng nhiều thế kỷ, trong thời kỳ phong kiến sân khấu chưa phải là một loại hình nghệ thuật mà chỉ đơn thuần là hình thức biểu diễn của một nhóm người, dần dà nó trở thành một loại hình nghệ thuật mang tính chuyên nghiệp từ sau Cách mạng tháng Tám. Bởi chính sân khấu đã góp phần diễn xuất được những yếu tố đời thường, phản ánh trung thực cuộc đời qua những mô phỏng trên sân khấu bằng sự kết hợp nhịp nhàng với âm nhạc, văn chương, kịch bản và diễn xuất của người nghệ sĩ.

Cho đến nay sân khấu đã trở nên một bộ phận quan trọng trong các loại hình nghệ thuật dân tộc Việt Nam. Nó trở thành loại hình nghệ thuật truyền thống mang tính thẩm mỹ và tính chuyên nghiệp.

6.3. Đặc trưng ngôn ngữ, thể loại nghệ thuật Sân khấu

Sân khấu và điện ảnh là những loại hình nghệ thuật tổng hợp; bởi lẽ chúng được

hình thành trên cơ sở của sự kết hợp hữu cơ một số loại hình riêng biệt thành một chỉnh thể thống nhất, lấy phương tiện tạo hình – biểu hiện các loại hình khác nhau để tạo nên tác phẩm của mình với một nội dung và hình thức mới. Tuy nhiên, đây không phải là sự lắp ghép gượng gạo, là số cộng giản đơn của các loại hình nghệ thuật. Mỗi loại hình nghệ thuật có vị trí riêng của nó với tư cách như một bộ phận hợp thành của một cơ thể sống.

Tính tổng hợp làm cho sân khấu và điện ảnh cùng một lúc vừa mang tính tạo hình, vừa mang tính biểu hiện, vừa là nghệ thuật thời gian, vừa là nghệ thuật không gian, vừa mang tính thị giác, vừa mang tính thính giác. Bên cạnh đó, cả sân khấu lẫn điện ảnh đều là những loại hình nghệ thuật có nhu cầu biểu diễn.

Sân khấu là loại hình nghệ thuật ra đời từ rất sớm. Điểm xuất phát của sự hình thành các tiết mục sân khấu và quy định chất lượng của nó là kịch bản. Kịch bản văn chương là “mảnh đất dụng võ” của các diễn viên lẫn đạo diễn. Nó là cơ sở chủ đề - tư tưởng, là cái cốt của tác phẩm, và như vậy quy định cả nội dung lẫn hình thức của tác phẩm sân khấu. Ngay ở những tiết mục sân khấu có lời diễn “cương” (nghĩa là không cần có kịch bản) thì các trò các tính mà diễn viên khai thác cũng bắt nguồn từ cái gốc nghệ thuật văn chương.

Song sự ra đời của kịch bản văn chương, xét cho cùng không vì mục đích tự thân mà do nhu cầu biểu diễn. Chỉ thông qua nghệ thuật biểu diễn thì kịch bản mới trở nên có “hồn” và ý đồ tư tưởng của kịch bản tác giả mới được “hiện đại hóa”. Nếu vở diễn cần đến kịch bản bao nhiêu thì ngược lại, kịch bản cũng cần đến diễn suất bấy nhiêu, cho dù tự thân nó, kịch bản cũng giữ vị trí độc lập nhất định của mình và có sức tác động nghệ thuật nào đó. Trong sân khấu, đạo diễn và diễn viên là những đồng tác giả của người viết kịch, và thông qua lao động sáng tạo của họ, các kịch bản “khô cứng” mới được đắp da, đắp thịt mà trở nên sống động.

Nói đến sân khấu là nói đến nghệ thuật biểu diễn, nói đến diễn xuất của diễn viên. Nghệ thuật diễn viên là nghệ thuật sống dậy trong kịch bản những nhân vật,

những tính cách với toàn bộ cử chỉ, hình dáng bên ngoài cũng như suy nghĩ và tình cảm bên trong. Thông qua diễn xuất của họ, người xem có cảm giác như đang đối diện với một mảng đời nào đó được thu nhỏ lại, cô đúc lại. Vì vậy, tính đồng cảm và tính tập cập nhật ở sân khấu rất cao. Sê-khốp có lý khi ông nhận xét : “Nếu khấu là tòa án tối cao, nơi giải quyết các vấn đề các vấn đề thiết thân của đời sống!”.

Cái khó của diễn viên là phải biết “hóa thân” vào nhân vật, sống với cuộc sống của nhân vật, nhưng phải là mình, là người đứng ngoài nhân vật. Diễn viên không những phải sống với cuộc đời người khác, mà còn phải lặp lại nhiều lần. Nếu không có bản lĩnh và tài nghệ, chắc chắn không thể tránh khỏi gượng gạo hay giả tạo.

Vì thời gian và không gian trên sân khấu là thời gian và không gian mang tính ước lệ, nên hành động của diễn viên sân khấu dù có những nét gần gũi với hành động của nhân vật trong cuộc sống đời thường, song vẫn mang đậm dấu ấn tượng trưng, ước lệ. Nghệ thuật sân khấu là nghệ thuật hành động, lấy hành động làm nền tảng. Sân khấu trình bày trước mắt người xem các hành động cụ thể, sống động của con người một cách rõ ràng nhất, dễ thấy nhất. Các hành động sân khấu luôn triển khai một cách năng động cùng một lúc cả trong thời gian lẫn không gian. Khác với các loại hình nghệ thuật khác, hình tượng sân khấu dường như không tồn tại trong dạng kết thúc mà trong trạng thái đang xây dựng hình tượng. Một lần họ diễn xuất là một lần phát triển và hoàn thiện, một lần “tự vượt mình”. Diễn viên vừa thể hiện nhân vật trong kịch bản, vừa sáng tạo nên các hình tượng sân khấu mang màu sắc độc đáo của riêng mình. Thực tế cho thấy, cùng một “vai” diễn, nhưng với hai diễn Viên khác nhau, đã đem lại hai hình tượng sân khấu không giống nhau, với hiệu quả nghệ thuật khác nhau.

Vì nghệ thuật hành động nên có lẽ, ít có loại hình nghệ thuật nào mà những mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống được phản ánh một cách tập trung, rõ nét như trong sân khấu. Đây là lý do làm nên “tính kịch” của nghệ thuật sân khấu. Không “tính kịch” thì không phải là sân khấu; và điều này thể hiện thông qua diễn xuất của

diễn viên. Sức hấp dẫn của sân khấu, một phần cũng là ở đó.

Người tổ chức và phối hợp mọi hoạt động trên sân khấu là đạo diễn. Với tư cách là người chỉ huy mọi lực lượng sáng tạo có trình độ và cá tính khác nhau, đạo diễn phải chịu trách nhiệm về toàn bộ vở diễn. Nhiệm vụ của đạo diễn là phát hiện hạt nhân của kịch bản, giúp đỡ các diễn viên “nhập vai” và hoàn thiện diễn xuất của họ, kiểm soát và phối hợp nhịp nhàng với thiết kế mỹ thuật, âm nhạc, hóa trang, múa... nghĩa là giải quyết các phương thức, phương tiện tạo hình - biểu diễn cho một tiết mục sân khấu từ khâu đầu tiên tới khâu cuối cùng.

Một trong những ưu thế của nghệ thuật sân khấu là có sự giao cảm trực tiếp với người xem. Hình tượng nghệ thuật sân khấu chỉ tồn tại với sự có mặt của khán giả, nên khán giả dường như đã trở thành một bộ phận không thể thiếu được của loại hình nghệ thuật này. Thái độ của khán giả ra sao khi tiếp nhận vở diễn có ảnh hưởng trực tiếp tới mức độ hưng phấn của diễn viên, và thiếu họ, sân khấu không có lý do tồn tại.

Sân khấu là loại hình nghệ thuật có nhiều thể loại. Các loại thể sân khấu mỗi nước khác nhau có những đặc điểm khác nhau, tùy thuộc vào đặc trưng văn hóa của họ. Nhìn chung, nói tới sân khấu là người ta nói chính kịch, bi kịch và hài kịch. Ở nước ta sân khấu bao gồm nhiều kịch chủng: tuồng chèo, cải lương, kịch nói. Nếu tuồng chèo, cải lương có một truyền thống lâu đời và mang đậm màu sắc dân tộc thì kịch nói mới ra đời xuất hiện dăm, bảy thập kỷ trở lại có tốc độ phát triển rất mạnh mẽ và đang giữ vai trò chủ đạo trong sinh hoạt sân khấu của đất nước. Trong sự “giao thoa” giữa sân khấu và điện ảnh, trong thời gian gần đây, còn xuất hiện một thể loại sân khấu mới kịch truyền thống.

BÀI 7: NGHỆ THUẬT ĐIỆN ẢNH

7.1. Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển

Điện ảnh là một khái niệm lớn bao gồm các bộ phim tạo bởi những khung hình chuyển động (*phim*); kỹ thuật ghi lại hình ảnh, âm thanh và ánh sáng để tạo thành

một bộ phim (*kỹ thuật điện ảnh*); hình thức nghệ thuật liên quan đến việc tạo ra các bộ phim và cuối cùng ngành công nghiệp và thương mại liên quan đến các công đoạn làm, quảng bá và phân phối phim ảnh (*công nghiệp điện ảnh*).

Trong tiếng Việt, điện ảnh đôi khi còn được gọi là Xi-nê, xuất phát từ "*cinéma*" (điện ảnh trong tiếng Pháp) vốn là từ rút gọn của "*cinématographe*". "*Cinématographe*" (xuất phát từ tiếng Hy Lạp *κίνημα* - *kínēma* có nghĩa là *chuyển động*, còn *γράφειν* - *gráphein* có nghĩa là *ghi lại*) là cái tên được Léon Bouly đặt cho chiếc máy ghi lại hình ảnh của ông trong đăng ký bằng sáng chế số 219 350 năm 1892, một trong những mốc sự kiện khai sinh ra ngành điện ảnh.

Khi mới được phát minh, điện ảnh chỉ được coi là các bộ phim ghi lại cảnh sinh hoạt đời thường, nhưng chỉ ít lâu sau, các bộ phim đã được tạo ra với những ý đồ văn hóa nhất định và nhanh chóng trở thành một loại hình nghệ thuật quan trọng. Điện ảnh cũng trở thành một hình thức giải trí không thể thiếu trong đời sống thường nhật, đôi khi còn phát triển thành những hiện tượng văn hóa hoặc được sử dụng như các phương tiện tuyên truyền.

Xét trên phương diện nghệ thuật, điện ảnh thường được gọi là nghệ thuật thứ bảy. Sáu nghệ thuật trước đó theo phân loại của Hegel là kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, múa và thi ca. Điện ảnh được dùng để nói đến những bộ phim trình chiếu ở rạp, khác với những phim truyền hình. Vì lý do đó, từ "màn bạc" hay "màn ảnh lớn" cũng được dùng để chỉ điện ảnh (màn ảnh rạp chiếu phim có màu trắng), phân biệt với truyền hình, được gọi là màn ảnh nhỏ.

Trong tiếng Việt, các phim điện ảnh được gọi là "phim nhựa", phân biệt với phim video. Nhưng thực tế, phim nhựa không phải là chất liệu duy nhất của điện ảnh. Có những phim dùng chất liệu video đã được làm lại để trình chiếu ở rạp và ngược lại, một số phim truyền hình cũng sử dụng chất liệu phim nhựa. Đặc biệt với sự phát triển của kỹ thuật số, có cả những phim điện ảnh và phim truyền hình đều dùng công nghệ này.

7.2. Đặc trưng ngôn ngữ, thể loại nghệ thuật Điện ảnh

Có thể nói, trong gia đình các loại hình nghệ thuật thì điện ảnh được coi là trẻ nhất. Có lẽ cũng là một nguyên nhân để loại hình nghệ thuật này có thể thừa kế những thành tựu “ các bậc đàn anh” để mau chóng trở thành một trong những loại hình quan trọng nhất có khả năng đáp ứng một cách rộng rãi nhu cầu thẩm mỹ ngày càng lớn của thời đại.

Sự ra đời và phát triển nghệ thuật điện ảnh gắn liền với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và sự phát triển của nền công nghiệp. Không có loại hình nghệ thuật nào, kể cả sân khấu, có thể so sánh với nghệ thuật điện ảnh về tính tổng hợp.

Tuy là nghệ thuật biến diễn nhưng giữa sân khấu và điện ảnh có sự khác biệt rõ rệt. Nếu nói nghệ thuật sân khấu trước hết là nghệ thuật của diễn viên thì không thể nói như vậy đối với điện ảnh. Diễn xuất của diễn viên sân khấu là phương tiện chủ yếu và duy nhất, trong khi đó ở điện ảnh, ngoài diễn xuất của diễn viên còn những phương tiện tạo hình - biểu hiện khác hỗ trợ đắc lực cho việc thể hiện ý đồ tư tưởng của tác giả. Ngoài ra, diễn xuất của diễn viên điện ảnh gần gũi hơn với cuộc sống đời thường, nó không mang tính quy phạm và ước lệ như diễn xuất của diễn viên sân khấu. Đó là lý do cốt lõi vì sao nhiều diễn viên có hạng trên sân khấu khi được mời đóng phim lại tỏ ra lúng túng.

Điện ảnh còn khác với sân khấu về không gian hoạt động. Không gian sân khấu là không gian ước lệ, bị giới hạn trong một phạm vi nào đó, còn không gian điện ảnh giống như sự thực ngoài đời. Người ta có thể đưa lên màn ảnh hầu như tất cả mọi vấn đề có quy mô, tầm cỡ khác nhau, được xảy ra trong quá khứ cũng như hiện tại.

Để xây dựng một bộ phim, trước hết cần có kịch bản điện ảnh. Kịch bản điện ảnh có thể dựa trên cơ sở nội dung hay cốt truyện của tác phẩm văn chương, cũng có thể là sự sáng tạo mới của nhà biên kịch. Bằng ngôn ngữ đặc trưng của nó. Những người làm phim thể hiện một cách sáng tạo ý đồ của nhà biên kịch, làm sống dậy những hình tượng nghệ thuật được phác họa trong kịch bản. Tính chất đồng sáng

tạo, vì vậy, được thể hiện rất rõ ràng trong phim.

Ống kính của người quay phim là một trong những phương tiện cơ bản của nghệ thuật điện ảnh. Nó có thể tạo ra những ấn tượng khác nhau khi khán giả được trực tiếp cảm nhận con người và cảnh vật dưới nhiều góc độ, với những khoảnh khắc thời gian và không gian luôn đổi thay, biến hóa. Sự sắp xếp, kết nối những cảnh, những đoạn phim lại với nhau một cách lôgic nhằm thể hiện chủ đề của tác phẩm lại là công việc của người dựng phim. Ý nghĩa sâu xa và quan trọng nhất của nghệ thuật dựng phim là phát hiện trình bày có sức thuyết phục nhất những mối liên hệ biện chứng và hữu cơ các hiện tượng và quá trình mà trong thực tiễn đời sống không phải lúc nào cũng nổi và dễ thấy đối với tất cả mọi người. Sự kết hợp của ống kính điện ảnh với nghệ thuật dựng phim tạo nên những khả năng ưu việt cho ngôn ngữ nghệ thuật nào cũng có thể được. Ngoài ra sự thành công của một tác phẩm điện ảnh còn phải kể đến vai trò của các phương tiện khác như ánh sáng, tiếng động, hóa trang, khói lửa, lời bình, lời dẫn....

Điện ảnh là loại hình nghệ thuật bao gồm nhiều loại thể: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình, phim khoa học viễn tưởng....

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ như vũ bão của khoa học kỹ thuật, với sự bùng nổ của các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là vô tuyến truyền hình và vi deo - điện ảnh vẫn ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của nó trong đời sống xã hội.

BÀI 8: NGHỆ THUẬT VĂN HỌC

8.1. Khái niệm

Văn chương là khái niệm dùng để chỉ một ngành nghệ thuật – nghệ thuật ngôn từ. Văn chương dùng ngôn từ làm chất liệu để xây dựng hình tượng, phản ánh và biểu hiện đời sống. Khái niệm văn chương và văn học thường bị dùng lẫn lộn. Văn học là khoa học nghiên cứu về văn chương. Nó lấy các hiện tượng văn chương nghệ thuật làm đối tượng cho mình. Quan hệ giữa văn chương và văn học là quan hệ giữa

đối tượng và chủ thể, giữa nghệ thuật và khoa học; văn chương (nghệ thuật) là đối tượng của văn học (khoa học).

8.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Văn học thực ra ra đời từ khi có chữ viết, nó là loại hình nghệ thuật vừa mang tính biểu hiện vừa mang tính tạo hình, người ta còn coi văn chương là nghệ thuật của mọi loại hình nghệ thuật khi tư duy của con người đã rất phát triển.

Theo diễn trình phát triển của lịch sử loài người, văn học có một chỗ đứng quan trọng, từ thời cổ đại đã xuất hiện những tác phẩm văn chương mang giá trị như thần thoại, những câu chuyện truyền thuyết phương đông và sang thời kỳ Phục hưng, văn học phát triển song song cùng các loại hình nghệ thuật khác.

Thời kỳ khai sáng, thế kỷ XVII, XVIII văn học đã phát triển mạnh và trung tâm lớn tập trung ở Pháp với những tên tuổi lừng danh, thế kỷ XX cùng chung xu hướng với các trào lưu nghệ thuật, mỹ thuật khác, văn chương đã góp phần làm cho thế giới tinh thần của con người phong phú, nó còn có khả năng phản ánh hiện thực, dự báo tương lai cho những phát triển tư duy ngôn ngữ của con người thời hiện đại.

Ở Việt Nam dòng văn học hiện thực 30, 45 đã làm được cuộc cách mạng tư tưởng lớn, phản ánh hiện thực đả kích phê phán và văn chương ở mọi thời đại là tiếng nói gần gũi của người lao động.

8.3. Đặc trưng ngôn ngữ, các thể loại văn học

Văn chương là loại hình nghệ thuật giữ vị trí đặc biệt trong hệ thống các loại hình nghệ thuật. Điều này được ghi nhận ở chỗ, người ta thường coi văn chương là loại hình nghệ thuật còn lại.

So với các loại hình nghệ thuật khác văn chương có nhiều ưu thế rõ rệt . Một là, văn chương có khả năng phản ánh hiện thực một cách sâu rộng nhất nhạy bén nhất. Nó có khả năng miêu tả những biến động phức tạp của lịch sử xã hội cũng như khai thác mổ xẻ những diễn biến tâm lý muôn màu, muôn vẻ trong thế giới tâm hồn, tình cảm của con người, điều mà ít loại hình nghệ thuật nào có thể so sánh được. Hai

là văn chương thường đi trước trong việc đề cập và giải quyết các nhiệm vụ bức xúc thời đại. Vì vậy, nó tác động mạnh mẽ tới sự phát triển và chiều hướng tư tưởng của các loại hình nghệ thuật khác. Ba là, văn chương có thể cung cấp cho nghệ sĩ sáng tác thuộc các loại hình nghệ thuật khác nguồn đề tài phong phú và khơi dậy trong họ cảm hứng sáng tạo. Riêng với sân khấu và điện ảnh, nó cung cấp kịch bản văn chương mà thiếu chúng, những người làm công tác sân khấu điện ảnh không thể dàn dựng các tác phẩm nghệ thuật của mình. Bốn là, vì lấy ngôn ngữ, văn chương làm phương tiện miêu tả và phản ánh, nên sự phát triển của nghệ thuật văn chương có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển tư duy và ngôn ngữ. Năm là, tính quần chúng và tính phổ cập của văn chương sâu rộng nhất so với các loại hình nghệ thuật khác, xét cả trên phương diện cảm thụ cũng như trên phương diện sáng tác. Vì vậy, đối tượng phục vụ cũng như đội ngũ sáng tác của văn chương hết sức rộng lớn.

Văn chương là loại hình nghệ thuật vừa mang tính tạo hình, vừa mang tính biểu hiện. Cả hai khả năng này là rất lớn và đó cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản tạo nên sức sống mãnh liệt của nghệ thuật văn chương.

Văn chương bao gồm nhiều thể loại. Dựa trên đặc điểm từ pháp và cấu trúc ngôn ngữ, có người chia văn chương thành hai thể: văn vần và văn xuôi. Văn vần (còn gọi là thơ ca) là thể loại văn vần, có kèm theo đó là nhịp điệu, tiết tấu “thi trung hữu nhạc”. Văn xuôi là thể văn không có vần điệu, song vẫn đòi hỏi phải có hình ảnh, có từ ngữ trong sáng, chuẩn xác, giàu cảm xúc. Ngoài ra, người ta còn chia văn chương thành ba loại lớn: tự sự, trữ tình, kịch bản. Nếu tự sự là thể loại chủ yếu mô tả sự kiện có gắn liền với cốt truyện thì trữ tình là thể loại chủ yếu bày tỏ cảm xúc của tác giả trước hiện thực cuộc đời. Tất nhiên, sự phân loại như trên cũng chỉ mang ý nghĩa tương đối.

Văn học sử dụng ngôn từ (viết và nói). Con người là phương tiện biểu đạt truyền tải nội dung của nghệ thuật văn học

Các loại hình nghệ thuật khác đều ít nhiều có tính trực tiếp tác động hình ảnh

lên thị giác hoặc thính giác con người, riêng văn học lại là nghệ thuật gián tiếp, đi qua kênh gợi ý, vỏ tư duy ngôn ngữ để người đọc người nghe hình dung lại, rồi tái hiện trong đầu óc của mình điều mà ngôn từ trần thuật. Nghệ thuật văn học có nhiều thể loại: Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, kịch, phóng sự, ký sự...